TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2020/HSST.
Ngày: 07/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Lệ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thế Nam**
2. Ông **Hoàng Thanh Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thành Hải**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 153/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Việt Tuấn A, sinh năm 1992 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X/Y, ấp Z, xã M, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: như thường trú; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đức Ch, sinh năm 1963 và bà Trần Thị K, sinh năm: 1965; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2019.

2. Đỗ Tuấn T, sinh năm 1995 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ X, khu phố Y, phường Z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: như thường trú; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Ph, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị Thanh V, sinh năm: 1968; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2019.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Phạm Đức Ch – sinh năm: 1963 *(Có mặt)*

Địa chỉ: số X/Y, ấp Z, xã M, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng:

Đặng Cơ Th – sinh năm 1987 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Tuấn T là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2019. Vào lúc 00 giờ ngày 19/10/2019, T gọi điện thoại cho Phạm Việt Tuấn A để mua ¼ (một góc tư) ma túy (loại ma túy đá) với số tiền 1.300.000 đồng, đồng thời T hẹn Tuấn A mang ma túy đến phòng số 3 nhà nghỉ H tại khu phố X, phường Y, thành phố Long Khánh để giao nhận ma túy. Sau đó Tuấn A đi lên khu vực chùa Trúc Lâm thuộc xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai gặp một người thanh niên tên T (không rõ nhân thân lai lịch) để mua ma túy với số tiền 1.250.000 đồng. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, Tuấn A điều khiển xe môtô mang biển số 60B7-394.58 chở theo anh Đặng Cơ Th và mang ma túy đến phòng số 3 nhà nghỉ H để giao cho T. Do T chỉ giao cho Tuấn A số tiền 1.000.000 đồng, còn thiếu 300.000 đồng nên Tuấn A chưa nhận mà để ở trên nệm, lúc này công an phường Suối Tre kiểm tra bắt quả tang và thu giữ tang vật, sau đó báo công an thành phố Long Khánh phối hợp làm việc

Tại bản kết luận giám định số 1299/PC09-GĐMT ngày 24/10/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,6872 gam, loại Methamphetamin.

Tại bản cáo trạng số 132/CT-VKS, ngày 30/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh truy tố bị cáo Phạm Việt Tuấn A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố Đỗ Tuấn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Tuấn A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Tuấn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy, tịch thu sung quỹ số tiền 1.000.000 đồng và 02 điện thoại di động.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Tuấn A khai nhận vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 19/10/2019, Tuấn A bán cho T 01 gói ma túy đá với giá 1.300.000 đồng, sau khi T nhận ma túy và đang hỏi mượn thêm để giao đủ cho Tuấn A số tiền 1.300.000 đồng thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang. T thừa nhận mua ma túy của Tuấn A với mục đích cất giữ để sử dụng cho bản thân, khối lượng ma túy T tàng trữ là 0,6872 gam, loại Methamphetamin. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường Suối Tre lập ngày 19/10/2019 thu giữ một bịch nilong bên trong chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là ma túy có khối lượng 0,6872 gam, loại Methamphetamin. Đây là tên gọi khoa học của loại chất được gọi chung là ma túy, việc các bị cáo có hành vi mua bán, cất giữ ma túy để sử dụng đã xâm phạm chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý chất ma túy, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tuấn A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Đều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Các bị cáo là công dân đã trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, dù biết ma túy là vật bị nhà nước nghiêm cấm mua bán, tàng trữ nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thu lợi và sử dụng thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cao cho xã hội vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 1299/PC09-GĐMT là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 1.000.000 đồng là tiền mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Việt Tuấn A** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo **Đỗ Tuấn T** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Việt Tuấn A **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Tuấn T 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính ngày 19 tháng 10 năm 2019.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 1299/PC09-GĐMT, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án thành phố Long Khánh).

- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Việt Tuấn A, Đỗ Tuấn T, mỗi bị cáo phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *Công an TP. Long Khánh;*
- *VKSND TP. Long Khánh;*
- *Thi hành án TP. Long Khánh;*
- *Bị cáo;*
- *Hồ sơ thi hành án;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu án văn ;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Mỹ Lệ